

Bản án số: **47/2024/HNGĐ - PT**

Ngày: 28/3/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Hạnh

Các thẩm phán: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Ông Phan Quyết Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thúy Hương, Thư ký viên chính Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 32/2024/TLPT-HNGĐ ngày 07/03/2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 928/2023/HNGĐ - ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân quận H Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2024/QĐ-PT ngày 12/3/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị L T T** - sinh năm 1988

Nơi đăng ký thường trú: Thôn H X, xã P T, huyện P X, thành phố Hà Nội.
Nơi ở: F21, khu đấu giá quyền sử dụng đất N T N, phường H C, quận H Đ, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

*** Bị đơn: Anh L V T** - sinh năm 1987

Nơi đăng ký thường trú Thôn H X, xã P T, huyện P X, thành phố Hà Nội.
Nơi ở: F21, khu đấu giá quyền sử dụng đất N T N, phường H C, quận H Đ, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị L T T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L T T và anh L V T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P T, huyện P X, Thành phố Hà Nội ngày 20/11/2009. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến nay không giải quyết được. Anh T không chí thú làm ăn mà chơi bời cờ bạc nợ nần triền miên kể từ khi lấy nhau. Từ đó đến nay chị nhiều lần phải trả nợ thay anh T vì sợ chủ nợ

đến đòi có thể gây nguy hiểm cho các con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, can ngăn anh T, gia đình chị cũng vì thương chị mà nhiều lần cho chị vay tiền trả nợ cho anh T, mong anh T thay đổi để lo làm ăn nuôi con, nhưng đến nay không có kết quả, anh T ngày càng tồi tệ. Kinh tế gia đình luôn trong tình trạng thiếu thốn, kiệt quệ, không tích góp được tiền bạc để xây dựng gia đình. Khi thua bạc nợ nần về mà đòi tiền chị không có thì anh T gây sự chửi bới, đập phá đồ đạc, đánh cả vợ con. Thời gian gần đây, anh T còn thường xuyên rượu chè, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình thực sự cơ cực, không có tương lai. Những việc này xảy ra thường xuyên từ rất lâu nhưng chị không báo với tổ dân phố vì nghĩ mình đã đến thuê nhà làm ăn mà còn có những chuyện phức tạp chủ nhà sẽ đuổi không cho thuê nhà thì sẽ không có chỗ ở, không có chỗ bán hàng. Đến nay, chị T thấy không thể cùng anh T xây dựng được cuộc sống gia đình, cuộc sống chung không thể tiếp tục, hạnh phúc gia đình không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn anh T. Việc chơi bời nợ nần chính anh T cũng đã thừa nhận là sự thực. Chị tha thiết đề nghị được ly hôn anh T trong thời gian sớm nhất để chị sớm ổn định cuộc sống, lo làm ăn nuôi dạy các con.

- Về con chung: Chị và anh có 02 con chung là cháu L Q T, giới tính nam, sinh ngày 07/8/2010 và L H G, giới tính nữ, sinh ngày 14/5/2016. Các con của anh chị khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh L V T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L T T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P T, huyện P X, Thành phố Hà Nội ngày 20/11/2009. Quá trình chung sống 15 năm đã qua, anh T xác nhận có lỗi vì ham vui bạn bè, có làm thất thoát kinh tế gia đình làm vợ anh buồn phiền nhưng thật lòng anh vẫn yêu thương vợ con, không có quan hệ ngoại tình. Anh T biết anh có chơi bời, nợ nần là sai. Nay anh T biết lỗi của anh. Anh sẽ thay đổi để tu chí làm ăn, xây dựng gia đình cùng vợ con. Anh mong muốn vợ chồng hòa giải, mong chị T cho anh cơ hội sửa chữa. Nợ nần riêng của anh hiện nay vẫn còn, anh sẽ làm ăn để tự trả, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, vợ con. Bản thân anh không bạo lực với vợ con, vẫn chăm chỉ làm ăn. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận, nhưng anh xin thêm thời gian để vợ chồng bàn bạc kỹ càng hơn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu L Q T, giới tính nam, sinh ngày 07/8/2010 và L H G, giới tính nữ, sinh ngày 14/5/2016. Trường hợp ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu L H G; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản): Anh và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 928/2023/HNGĐ - ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân quận H Đ, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L T T với anh L V T.

Xử chị L T T được ly hôn với anh L V T.

2. Về con chung: Xác nhận chị L T T và anh L V T có 02 con chung là L Q T, giới tính nam, sinh ngày 01/8/2010 và L H G, giới tính nữ, sinh ngày 14/5/2016. Các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Giao chị L T T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là L Q T, giới tính nam, sinh ngày 01/8/2010 và L H G, giới tính nữ, sinh ngày 14/5/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L T T không yêu cầu anh L V T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung theo Luật Hôn nhân và gia đình và các Luật khác có liên quan.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do các đương sự không có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2024, bị đơn là anh L V T có đơn kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng cho vợ chồng anh về đoàn tụ và thời gian để vợ chồng anh suy nghĩ, bàn bạc kỹ càng hơn. Nếu không thể hòa giải được dẫn đến quyết định ly hôn thì anh T xin được nuôi dưỡng 01 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là anh L V T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh T cho rằng anh là một thanh niên nên chơi bời bạn bè ham vui như vậy không có gì là ghê gớm cả. Anh không đồng ý ly hôn với chị T và mong vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Trường hợp ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu L T G vì cháu là con trai, cần sự dạy bảo của người cha; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án đồng thời giữ quan điểm giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, ý kiến của các bên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có ý kiến như sau: Quá trình chung sống

như chị T trình bày giữa chị và anh T có phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời nợ nần triền miên, chị nhiều lần phải trả nợ thay cho anh T vì lo chủ nợ đến đòi nguy hiểm cho các con. Việc này diễn ra nhiều năm không thay đổi, kinh tế gia đình kiệt quệ, không có tương lai, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Anh T thừa nhận việc anh chơi bời, nợ nần, làm thất thoát kinh tế gia đình. Nhận thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T không còn tình cảm và cương quyết xin được ly hôn nên Tòa án sơ thẩm tuyên cho chị T được ly hôn anh T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung là L Q T, giới tính nam, sinh ngày 07/8/2010 và L H G, giới tính nữ, sinh ngày 14/5/2016. Xét nguyện vọng của anh chị và của các con chung, xét hoàn cảnh hiện nay của anh chị, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Về tài sản chung và công nợ chung: anh chị trình bày không có tài sản, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án sơ thẩm không xem xét. Từ những phân tích trên nhận thấy, kháng cáo của anh L V T không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn anh L V T; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 928/2023/HNGĐ – ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân quận H Đ. Án phí quyết định theo quy định.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20/4/2023, chị L T T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh L V T trú tại F21, khu đấu giá quyền sử dụng đất N T N, phường H C, quận H Đ, thành phố Hà Nội. Quan hệ pháp luật của vụ án xác định là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận H Đ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân quận H Đ xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 22/01/2024, bị đơn anh T đã nộp đơn kháng cáo, cùng ngày anh T đã nộp tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm: Bị đơn anh T kháng cáo bản án sơ thẩm xin đoàn tụ. Trong trường hợp không hòa giải đoàn tụ được, anh có nguyện vọng nuôi cháu L Q T, giới tính nam, sinh ngày 07/8/2010.

Đơn kháng cáo của anh L V T kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của anh L V T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L T T và anh L V T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 20/11/2009 tại UBND xã P T, huyện P X, Thành phố Hà Nội. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị L T T và anh L V T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời khai của chị T trình bày: Chị và anh T từ khi kết hôn đã có mâu thuẫn do anh không chí thú làm ăn mà chơi bời cờ bạc nợ nần triền miên kể từ khi lấy nhau. Từ đó đến nay chị nhiều lần phải trả nợ thay anh T vì sợ chủ nợ đến đòi có thể gây nguy hiểm cho các con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, can ngăn anh T, gia đình chị cũng vì thương chị mà nhiều lần cho chị vay tiền trả nợ cho anh T, mong anh T thay đổi để lo làm ăn nuôi con, nhưng đến nay không có kết quả. Kinh tế gia đình luôn trong tình trạng thiếu thốn, kiệt quệ, không tích góp được tiền bạc để xây dựng gia đình. Việc này diễn ra nhiều năm không thay đổi, kinh tế gia đình kiệt quệ, không có tương lai, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Bản thân anh T cũng thừa nhận: Quá trình chung sống 15 năm đã qua, anh xác nhận có lỗi vì ham vui bạn bè, có làm thất thoát kinh tế gia đình làm vợ anh buồn phiền; Anh biết anh chơi bời, nợ nần là sai. Anh không đồng ý ly hôn chị T và kháng cáo xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa được giải pháp hòa giải để thuyết phục chị T đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc giữa vợ và chồng, giữa vợ chồng phải cùng nhau quan tâm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã tồn tại nhiều năm, ngày càng trầm trọng. Vất vả lo toan cho cuộc sống gia đình do chị T gánh vác, anh T không có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái, thậm chí làm kinh tế gia đình kiệt quệ. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị tha thiết xin ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống. Tòa án sơ thẩm chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là L Q T, giới tính nam, sinh ngày 07/8/2010 và L H G, giới tính nữ, sinh ngày 14/5/2016. Các con của anh chị khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện các con chung do anh chị cùng nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi cháu L Q T; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh chị trình bày đều là lao động tự do, buôn bán nhỏ lẻ nên không có xác nhận thu nhập để xuất trình.

Xét nguyện vọng được nuôi con của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, việc nuôi con phải căn cứ vào quyền lợi và nguyện vọng của các con chung. Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của các con chung của anh chị; Cả 02 con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét nguyện vọng được ở với mẹ của các cháu và điều kiện thực tế: Cháu G là con gái, lại còn nhỏ, cần sự yêu thương và chăm sóc của mẹ. Cháu T sắp đến tuổi trưởng thành cần sống trong môi trường tốt nhất để phát triển, học tập. Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo để các cháu có điều kiện phát triển toàn diện về mọi mặt; thể chất, trí tuệ, tinh thần và phát huy tốt tiềm năng của bản thân, không làm xáo trộn sinh hoạt, ảnh hưởng đến cuộc sống hiện nay của các cháu và có căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của chị L T T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với khả năng thực tế của anh T.

Dành quyền khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho chị T đối với anh T cho đến khi chị T có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản, nhà ở chung và công nợ chung: Chị T và anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án sơ thẩm không xem xét.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh L V T không có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh L V T, y án sơ thẩm.

[3].Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 26; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh L V T; Giữ nguyên các quyết định của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 928/2023/HNGĐ - ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân quận H Đ, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L T T đối với anh L V T. Chị L T T được ly hôn với anh L V T.

2. Về con chung: Chị L T T và anh L V T có 02 con chung là cháu L Q T, giới tính nam, sinh ngày 07/8/2010 và L H G, giới tính nữ, sinh ngày 14/5/2016. Nay ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung là cháu T và cháu G cho đến khi cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L T T không yêu cầu anh L V T cấp dưỡng nuôi cả hai con chung.

Dành quyền khởi kiện về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đối với anh T cho đến khi chị T có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị L T T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003711 ngày 15/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự quận H Đ, thành phố Hà Nội (Chị T đã nộp đủ án phí).

- Anh L V T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014866 ngày 22/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Anh T đã nộp đủ án phí).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận H Đ;
- Chi cục THADS quận H Đ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Hạnh

